



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

20. 1. 4.

769. Passa cittakataṃ¹ bimbaṃ arukāyaṃ samussitaṃ,
āturaṃ bahusaṅkappaṃ yassa natthi dhuvam ṭhiti.
770. Passa cittakataṃ¹ rūpaṃ maṇinā kuṇḍalena ca,
aṭṭhiṃ tacena² onaddhaṃ saha vatthehi sobhati.
771. Alattakakatā pādā³ mukhaṃ cuṇṇakamakkhitaṃ,
alaṃ bālassa mohāya no ca pāragavesino.
772. Aṭṭhapādakatā⁴ kesā nettā añjanamakkhitaṃ,
alaṃ bālassa mohāya no ca pāragavesino.
773. Añjanīva navā cittaṃ pūtikāyo alaṅkato,
alaṃ bālassa mohāya no ca pāragavesino.
774. Odahi migavo pāsaṃ nāsadā vāguraṃ⁵ migo,
bhutvā nivāpaṃ gacchāma kandante migabandhake.
775. Chinno pāso⁶ migavassa nāsadā vāguraṃ⁴ migo,
bhutvā nivāpaṃ gacchāma socante migaluddake.
776. Passāmi loka sadhane manusse
laddhāna vittaṃ na dadanti mohā,
luddhā⁷ dhanaṃ sannicayaṃ karonti
bhiyyo va kāme abhipatthayanti.
777. Rājā pasayha paṭhaviṃ vijetvā
sasāgarantaṃ mahimāvasanto,
oraṃ samuddassa atittarūpo
pāraṃ samuddassa 'pi patthayetha.
778. Rājā ca aññe ca bahū manussā
avītataṇhā maraṇaṃ upenti,
ūnāva hutvāna jahanti dehaṃ
kāmehi lokamhi na h' atthi titti.
779. Kandanti naṃ ñāti pakiriya kese
aho vatā no amarā 'ti cāhu,
vatthena naṃ pārutaṃ nīharitvā
citaṃ samodhāya tato ḍahanti.
780. So ḍayhati sūlehi tujjamāno
ekena vatthena pahāya bhoge,
na mīyamānassa bhavanti tāṇā
ñāti ca mittā athavā sahāyā.
781. Dāyādakā tassa dhanaṃ haranti
satto pana gacchati yena kammaṃ,
na mīyamānaṃ dhanamanveti kiñci
puttā ca dārā ca dhanaṃ ca raṭṭhaṃ.

¹ cittikataṃ - Pa, Sīmu 1, 2.

² aṭṭhitacena - Syā, PTS.

³ pāpā - PTS.

⁴ aṭṭhapadakatā - Ma, Syā, Pa; aṭṭhāpadakatā - PTS.

⁵ nāsādā vākuraṃ - Syā, PTS.

⁶ chinna-pāso - Syā, PTS.

⁷ laddhā - Syā.

20. 1. 4.

769. Hãy nhìn xem bóng dáng được vẽ màu, nơi hội tụ các vết thương, được dựng lên (bằng ba trăm khúc xương), bệnh hoạn, nhiều suy tư (sái quấy), không có sự tồn tại trường cửu.

770. Hãy nhìn xem vóc dáng được vẽ màu, với ngọc ma-ni và với bông tai; là xương được bọc lại bởi da, nó rạn vỡ nhờ những vải vóc.

771. Các bàn chân được sơn màu đỏ, khuôn mặt được bôi phấn bột, là đủ để có sự mê muội đối với kẻ ngu, nhưng không đủ đối với người có sự tâm cầu đến bờ kia.

772. Các sợi tóc được làm thành tám lớp, các con mắt được bôi thuốc màu, là đủ để có sự mê muội đối với kẻ ngu, nhưng không đủ đối với người có sự tâm cầu đến bờ kia.

773. Thân thể hôi thối đã được trang điểm tợ như hộp thuốc bôi đã được vẽ màu, là đủ để có sự mê muội đối với kẻ ngu, nhưng không đủ đối với người có sự tâm cầu đến bờ kia.

774. Thợ săn đã đặt bẫy mồi, con nai đã không đến gần cái lưới bẫy. Sau khi ăn xong mồi nhử, chúng ta hãy ra đi, trong khi kẻ bắt thú đang than vãn.

775. Cái bẫy mồi của gã thợ săn đã bị đứt lìa, con nai đã không đến gần cái lưới bẫy. Sau khi ăn xong mồi nhử, chúng ta hãy ra đi, trong khi kẻ săn thú sầu muộn.

776. Tôi nhìn thấy ở thế gian những người có tài sản, sau khi thâm vào của cải thì không cho ra bởi vì si mê. Những kẻ tham lam thực hiện việc tích lũy tài sản, rồi mong mỏi các dục nhiều thêm hơn nữa.

777. Vị vua sau khi chiếm cứ đất đai bằng vũ lực, trong khi cai trị trái đất có biển bao bọc, có vẻ không được thỏa mãn đối với bờ bên này của đại dương, còn mong mỏi thêm bờ bên kia của đại dương.

778. Vua và nhiều người khác tiến đến gần cái chết, với tham ái chưa được xa lìa. Họ từ bỏ xác thân, luôn bị thiếu thốn, bởi vì ở thế gian không có sự thỏa mãn về các dục.

779. Các thân quyến, xô tung đầu tóc, than khóc cho kẻ ấy, và họ đã nói rằng: ‘Ôi, thật rồi! Có thể nào thân quyến của chúng tôi không chết!’ Rồi họ quẩn kẻ ấy bằng vải, mang ra ngoài, đặt ở giàn hỏa thiêu, sau đó đốt cháy.

780. Trong khi bị đâm thọc bởi những cọc nhọn, kẻ ấy bị đốt cháy, với một tấm vải, sau khi đã bỏ lại các cửa cái. Đối với người bị chết, các bà con, bạn bè, hoặc là thân hữu, không phải là chốn nương nhờ.

781. Những người thừa tự mang đi tài sản của kẻ ấy, còn chúng sanh đi theo nghiệp. Không có bất cứ tài sản nào đi theo kẻ bị chết, luôn cả các con trai, các người vợ, tài sản, và xứ sở.

782. Na dīghamāyumu labhate dhanena
na cā 'pi vittena jaraṃ vihani,
appaṃ hi taṃ¹ jīvitamāhu dhīrā
asassataṃ vippariṇāmadhammaṃ.
783. Aḍḍhā daḷiddā ca phusanti phassaṃ
bālo ca dhīro ca tatheva phuṭṭho,
bālo hi bālyā vadhito 'va seti
dhīro ca no² vedhati phassaphuṭṭho.
784. Tasmā hi paññā 'va dhanena seyya³
yāya vosānamidhādhigacchati,
abyositattā⁴ hi bhavābhavesu,
pāpāni kammāni karoti⁵ mohā.
785. Upeti gabbhañca parañca lokaṃ
saṃsāramāpajja paramparāya,
tassappañño abhisaddahanto
upeti gabbhañca parañca lokaṃ.
786. Coro yathā sandhimukhe gahito
sakammunā haññati pāpadhammo,
evaṃ pajā pacca⁶ paramhi loke
sakammunā haññati pāpadhammā.⁷
787. Kāmā hi citrā madhurā manoramā virūparūpena mathenti cittaṃ,
ādinavaṃ kāmaguṇesu disvā tasmā ahaṃ pabbajitomi rāja.
788. Dumapphalānīva patanti mānavā daharā ca vuddhā ca sarīrabhedā,
etampi disvā pabbajitomi rāja apaṇṇakaṃ sāmāññameva seyyo.
789. Saddhāyāhaṃ pabbajito upeto jinasāsane,
avañjhā⁸ mayhaṃ pabbajjā anaṇo bhuñjāmi bhojanaṃ.
790. Kāme ādittato disvā jātārūpāni satthato,
gabbhavokkantito⁹ dukkhaṃ nirayesu mahabbhayaṃ.
791. Etamādinavaṃ ñatvā¹⁰ saṃvegaṃ alabhiṃ tadā,
so 'haṃ viddho tadā santo sampatto āsavakkhayaṃ.
792. Pariciṇṇo mayā satthā kataṃ buddhassa sāsanaṃ,
ohito garuko bhāro bhavanetti samūhatā.
793. Yassatthāya pabbajito agārasmānagāriyaṃ,
so me atthe anupatto sabbasaṃyojanakkhayaṃ "ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā raṭṭhapālo thero gāthāyo abhāsithā "ti.

Raṭṭhapālattheragāthā.

¹ appañhi naṃ - Syā, PTS.

² ca na - Syā, PTS.

³ seyyo - PTS.

⁴ abyositatthā - Syā, PTS.

⁵ karonti - PTS.

⁶ pecca - PTS, Sīmu 1, 2.

⁷ pāpadhammo - Ma, Syā, PTS.

⁸ avajjā - Ma, Syā, PTS.

⁹ gabbhe vokkantito - Syā, PTS.

¹⁰ disvā - Syā, PTS.

782. Không thể đạt được tuổi thọ dài lâu nhờ vào tài sản, và cũng không tiêu diệt được tuổi già nhờ vào của cải, bởi vì các bậc sáng trí đã nói rằng, mạng sống này là ít ỏi, không trường tồn, là pháp có sự tiêu hoại.

783. Những người giàu có và nghèo khó đều chạm đến xúc, tương tự y như thế các kẻ ngu dốt và sáng suốt đều bị xúc chạm. Chính kẻ ngu dốt nằm dài tự như bị đá thương vì sự ngu dốt, còn người sáng suốt, bị chạm đến bởi xúc, vẫn không xao động.

784. Chính vì điều ấy, trí tuệ là tốt hơn tài sản, nhờ vào trí tuệ mà chúng đạt sự kết thúc ở nơi đây. Chính vì tình trạng chưa được kết thúc ở các cõi hữu và phi hữu, chúng làm các hành động ác xấu do sự si mê.

785. Kẻ vướng vào luân hồi theo tuần tự đi đến thai bào và thế giới khác, kẻ có chút ít trí tuệ, trong khi tin chắc về điều ấy, đi đến thai bào và thế giới khác.

786. Giống như kẻ trộm cướp, có bản chất xấu xa, bị bắt giữ lúc khởi sự xâm nhập vào ngôi nhà, rồi bị hành hạ do việc làm của chính mình, tương tự như thế loài người, có bản chất xấu xa, sau khi đi đến thế giới khác bị hành hạ do việc làm của chính mình.

787. Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý, khuấy động tâm theo nhiều hình thức. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở các loại dục, vì thế, tâu đức vua, tôi đã xuất gia.

788. Tự như các trái cây rụng xuống, những người thanh niên, còn trẻ, và trưởng thành, rơi xuống do sự tan rã của thể xác, cũng sau khi nhìn thấy điều này, tâu đức vua, tôi đã xuất gia, chỉ riêng đời sống Sa-môn không lỗi lầm là tốt hơn.

789. Vì lòng tin, tôi đã xuất gia, tôi đã đi đến Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng, sự xuất gia của tôi là không vô ích, tôi thọ dụng thức ăn không phải nợ nần.

790. Sau khi nhìn thấy các dục là vật bị thiêu đốt, các loại vàng (bạc) là con dao, nổi khổ đau do việc nhập vào bào thai, nỗi sợ hãi lớn lao ở các địa ngục.

791. Sau khi biết được sự tai hại này, khi ấy tôi đã cảm nhận sự chấn động, khi ấy tôi đây đã được thấu triệt, an tịnh, tôi đã đạt được sự cạn kiệt của các lậu hoặc.

792. Bậc Đạo Sư đã được tôi hầu hạ, lời dạy của đức Phật đã được thực hành, vật mang nặng đã được đặt xuống, lối dẫn đến sự hiện hữu đã được xóa sạch.

793. Và vì mục đích nào mà tôi đã xuất gia, rời nhà sống không nhà, mục đích ấy của tôi, sự cạn kiệt tất cả các điều ràng buộc, đã được thành tựu.

Đại đức trưởng lão Ratṭhapāla đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Ratṭhapāla.